

Số: 2/2025/CV-DAS

Tp. HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia.

1. Tên tổ chức: Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS)

- Mã chứng khoán/Mã thành viên: 014
- Địa chỉ: Tầng 2 – tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: 028. 38 336 333 Fax: 028. 38 333 891
- E-mail: das@dag.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của DAS;
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2024 của DAS đã được kiểm toán;
- Công văn giải trình biến động lợi nhuận Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của DAS;
- Công văn giải trình ý kiến kiểm toán Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 của DAS.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 25/03/2025 tại đường dẫn: https://dag.vn/2025/3/cbtt_bao-cao-tai-chinh-nam-2024-da-duoc-kiem-toan-bao-cao-ty-le-an-toan-tai-chinh-tai-31-12-2024-da-duoc-kiem-toan-55-2759.da

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của DAS;
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2024 của DAS đã được kiểm toán;
- Công văn giải trình biến động lợi nhuận Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của DAS;
- Công văn giải trình ý kiến kiểm toán Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 của DAS.

Đại diện tổ chức

NGƯỜI UQ CBTT

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TẠ NGUYỄN VŨ

Số: 59/2025/CV-DAS

Tp. HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2025

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận trước và sau kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM
- ỦY BAN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS) giải trình về việc biến động lợi nhuận trên báo cáo tài chính năm 2024 sau kiểm toán như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán trên 5%:

Chỉ tiêu	Năm 2024 sau kiểm toán	Năm 2024 trước kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ lệ
Doanh thu	31.822.394.615	31.822.394.615	-	0%
Chi phí	29.503.345.101	27.316.241.533	2.187.103.568	8%
Thu nhập khác	-	-	-	0%
Chi phí khác	54	54	-	0%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	575.931.563	1.013.352.276	(437.420.713)	-43,2%
Lợi nhuận sau thuế	1.743.117.897	3.492.800.752	(1.749.682.855)	-50,1%

Tổng doanh thu năm 2024 trước và sau kiểm toán không đổi. Tổng chi phí năm 2024 sau kiểm toán tăng gần 2,2 tỷ đồng tương đương tăng 8% so với chi phí trước kiểm toán nguyên nhân do Công ty thực hiện trích lập dự phòng bổ sung cho các khoản đầu tư dài hạn.

Vì vậy, lợi nhuận sau thuế năm 2024 sau kiểm toán của Công ty lãi 1,7 tỷ đồng, giảm lãi 1,75 tỷ đồng tương đương giảm 50,1% so với kết quả trước khi kiểm toán.

2.Lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2024 sau kiểm toán thay đổi trên 10% so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Chỉ tiêu	Năm 2024 sau kiểm toán	Năm 2023 sau kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ lệ
Doanh thu	31.822.394.615	33.931.946.065	(2.109.551.450)	-6,2%
Chi phí	29.503.345.101	26.706.965.993	2.796.379.108	10,5%
Thu nhập khác	-	1.298.182	(1.298.182)	-100%
Chi phí khác	54	-	54	n/a
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	575.931.563	1.427.832.083	(851.900.520)	-59,7%
Lợi nhuận sau thuế	1.743.117.897	5.798.446.171	(4.055.328.274)	- 69,9%

Tổng doanh thu năm 2024 sau kiểm toán đạt 31,8 tỷ đồng giảm 2,1 tỷ đồng tương đương giảm 6,2% so với năm trước nguyên nhân chủ yếu do ảnh hưởng bởi doanh thu hoạt động môi giới giảm 1 tỷ đồng tương đương giảm 7,9% và lãi tiền gửi kỳ hạn giảm 724 triệu đồng tương đương giảm 28,2%, đồng thời đánh giá lại tài sản tài chính giảm 809 triệu đồng tương đương giảm 2107,5% so với năm trước.

Tổng chi phí năm 2024 sau kiểm toán của Công ty là 29,5 tỷ đồng tăng gần 2,8 tỷ đồng tương đương tăng 10,5% so với năm trước. Nguyên nhân tăng chủ yếu do trích lập dự phòng các khoản đầu tư dài hạn tăng 1,9 tỷ và chi phí quản lý công ty tăng gần 704 triệu đồng tương đương tăng 5% so với năm trước.

Do đó, lợi nhuận sau thuế năm 2024 sau kiểm toán của Công ty lãi 1,7 tỷ đồng, giảm 4,1 tỷ đồng tương đương giảm 69,9% so với năm trước.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Văn phòng.

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á



HUYNH ANH TUẤN



Số: 60/2025/CV-DAS

Tp. HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2025

V/v: Giải trình về ý kiến kiểm toán có ngoại
trừ trên Báo cáo kiểm toán năm 2024

Kính gửi:

- ỦY BÁN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM
- ỦY BAN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

Ngày 24/03/2025, Đơn vị kiểm toán độc lập của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS) là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tuân thủ kiểm toán và phát hành Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2024. Theo đó, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (A&C) đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán của DAS. Cùng với việc công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm 2024 DAS giải trình về ý kiến kiểm toán như sau:

Về việc A&C đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với khoản trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á (DAL):

Tại ngày 31/12/2024, DAS ghi nhận một khoản đầu tư vào DAL với trị giá là 12.100.000.000 đồng và thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn này với giá trị 3.353.726.088 đồng. DAS thực hiện khoản trích lập này căn cứ vào số liệu Báo cáo tài chính chưa kiểm toán của DAL tại ngày 31/12/2023. Bản Báo cáo tài chính này do DAS thu thập từ DAL. Việc trích lập dự phòng này đã được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC ngày 07/04/2022 của Bộ Tài Chính.

Trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu văn phòng

CTY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á**TỔNG GIÁM ĐỐC****HUYỀN ANH TUẤN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	7 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10 - 11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 13
7. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	14
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	15 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 12/GPHĐKD ngày 20 tháng 5 năm 2003 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000059 ngày 15 tháng 5 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các giấy phép điều chỉnh liên quan đến thay đổi địa chỉ trụ sở chính, tăng vốn điều lệ, rút nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán và thay đổi người đại diện theo pháp luật,... Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 10/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 01 năm 2023 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302941973 sửa đổi lần thứ 12 ngày 07 tháng 3 năm 2023.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025 Hội đồng thành viên Ngân hàng TNHH Một thành viên Số Vikki (tiền thân là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á – Ngân hàng mẹ) đã ra Quyết định số 1081/2025/QĐ-HĐTV về việc đổi tên Công ty từ Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á thành Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki nhưng đến nay Công ty vẫn chưa được cấp lại Giấy phép và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 3833 6333
- Fax : +84 (028) 3833 3891

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: môi giới chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; hoạt động lưu ký chứng khoán; giao dịch ký quỹ chứng khoán; dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán.

Hội đồng thành viên và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Trí	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2025
Ông Nguyễn An	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2025
Ông Quách Minh Trí	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2025
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2025
Ông Tạ Chương Lâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2025
Bà Phạm Thị Phương Linh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2025

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Trường Thành	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2025
Bà Võ Thị Nhung	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2024
Ông Trần Thiên Phước	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2025
		Bổ nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2025
Ông Tạ Nguyên Vũ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2024
Bà Lê Thị Như Nguyệt	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 8 năm 2024

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Trí	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2025
Ông Nguyễn An	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2025

Ngày 20 tháng 02 năm 2025 Hội đồng thành viên Ngân hàng TNHH Một thành viên Số Vikki (tiền thân là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á – Ngân hàng mẹ) đã ra Quyết định số 1082/2025/QĐ-HĐTV về việc miễn nhiệm các chức danh Hội đồng thành viên, Người đại diện theo pháp luật của Công ty như trên. Tuy nhiên, đến thời điểm báo cáo này được phê duyệt phát hành, Công ty vẫn chưa được cấp lại Giấy phép và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nên trên các hồ sơ pháp lý của Công ty, Ông Nguyễn An vẫn là đại diện pháp luật của Công ty.

Ông Nguyễn An – Chủ tịch Hội đồng thành viên đã ủy quyền cho Ông Huỳnh Anh Tuấn - Tổng Giám đốc điều hành và ký kết các hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty, trong đó có Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy ủy quyền số 02/2021/UQ-DAS ngày 15 tháng 4 năm 2021.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Huỳnh Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 03 năm 2025

Số 1.0546/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á**

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 03 năm 2025, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Khoản đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á với số tiền là 12.100.000.000 VND đang được trích lập dự phòng tổn thất đầu tư với số tiền là 3.353.726.088 VND (xem thuyết minh VI.3d) dựa trên Báo cáo tài chính của công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của công ty này chỉ là bản mềm, không có chữ ký, con dấu hoặc chữ ký số. Do đó, chúng tôi không thể đảm bảo được Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á được Công ty sử dụng để trích lập dự phòng có xác thực hay không cũng như số dự phòng đã trích hoặc phải trích bổ sung liên quan đến khoản đầu tư này (nếu có).

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hồ Văn Tùng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2023-008-1

Người được ủy quyền



Nguyễn Quang Châu

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2607-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

		Đơn vị tính: VND		
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		188.549.388.505	184.151.210.500
I. Tài sản tài chính	110		187.027.693.583	183.181.967.262
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	VI.1	52.573.401.968	66.704.474.417
1.1. Tiền	111.1		5.273.401.968	2.204.474.417
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		47.300.000.000	64.500.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	VI.3a,c	2.169.391.538	3.298.512.843
3. Các khoản cho vay	114	VI.3b	130.384.199.247	111.225.440.300
4. Các khoản phải thu	117		16.328.422.118	16.507.436.254
4.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	VI.4	15.252.400.000	15.252.400.000
4.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	VI.4	1.076.022.118	1.255.036.254
4.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		1.076.022.118	1.255.036.254
5. Trả trước cho người bán	118	VI.4	142.007.685	33.450.000
6. Phải thu dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	119	VI.4	10.734.647.786	10.717.030.207
7. Các khoản phải thu khác	122	VI.4	32.137.673.341	32.137.673.341
8. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	VI.5	(57.442.050.100)	(57.442.050.100)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		1.521.694.922	969.243.238
1. Tạm ứng	131		48.880.001	57.920.000
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	VI.6a	841.434.991	499.433.460
3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		13.500.000	13.500.000
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136	VI.7	617.879.930	398.389.778
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.052.953.717	47.978.805.508
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		23.056.095.278	24.999.283.256
1. Các khoản đầu tư	212		136.980.581.556	136.980.581.556
1.1. Đầu tư dài hạn khác	212.4	VI.3d	136.980.581.556	136.980.581.556
2. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213	VI.3d	(113.924.486.278)	(111.981.298.300)
II. Tài sản cố định	220		2.898.295.527	4.671.406.030
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	1.398.281.527	2.170.626.224
- Nguyên giá	222		14.731.600.367	14.529.960.367
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(13.333.318.840)	(12.359.334.143)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.9	1.500.014.000	2.500.779.806
- Nguyên giá	228		21.058.036.934	21.058.036.934
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(19.558.022.934)	(18.557.257.128)
III. Tài sản dài hạn khác	250		19.098.562.912	18.308.116.222
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		24.000.000	-
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	VI.6b	669.188.289	956.491.798
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	VI.10	18.405.374.623	17.351.624.424
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		233.602.342.222	232.130.016.008

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.447.100.081	4.717.891.764
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		4.447.100.081	3.967.891.764
1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	VI.11	207.203.766	292.673.531
2. Phải trả người bán ngắn hạn	320	VI.12	650.760.192	35.908.192
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		604.162.000	619.162.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	VI.13	1.016.129.671	842.241.661
5. Phải trả người lao động	323		811.208.203	864.002.771
6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		72.320.747	73.532.048
7. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	VI.14	148.467.000	246.049.000
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	VI.15	935.856.305	993.330.364
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		992.197	992.197
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	750.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	347	VI.12	-	750.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		229.155.242.141	227.412.124.244
I. Vốn chủ sở hữu	410		229.155.242.141	227.412.124.244
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	VI.16	500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414	VI.16	8.902.712.767	8.902.712.767
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415	VI.16	8.902.712.768	8.902.712.768
4. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416	VI.16	11.770.434.156	11.770.434.156
5. Lợi nhuận chưa phân phối	417	VI.16	(300.420.617.550)	(302.163.735.447)
5.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(293.688.527.988)	(295.933.723.690)
5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(6.732.089.562)	(6.230.011.757)
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		233.602.342.222	232.130.016.008

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

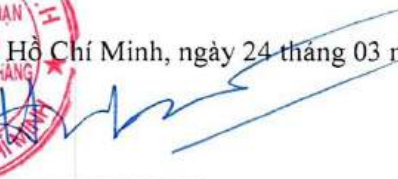
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH****Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	008		9.843.200.000	10.363.200.000
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	012		70.525.760.000	70.525.760.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	VII.1	2.084.556.480.000	1.891.015.630.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		2.049.620.130.000	1.859.207.010.000
b. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		10.508.000.000	-
c. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		13.483.580.000	11.500.060.000
d. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		10.944.770.000	20.308.560.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	VII.2	11.122.720.000	17.361.640.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		8.028.210.000	13.082.130.000
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		-	1.185.000.000
c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	022.4		3.094.510.000	3.094.510.000
3. Tiền gửi của khách hàng	026	VII.3	110.102.158.159	203.992.610.393
3.1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	027		89.771.302.889	178.564.331.680
3.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		19.268.253.655	24.371.528.254
3.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		2.017.394	2.013.138
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán nhà đầu tư trong nước	029.1		1.000.000	1.000.000
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán nhà đầu tư nước ngoài	029.2		1.017.394	1.013.138
3.4. Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	030		1.060.584.221	1.054.737.321
4. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031	VII.4	109.041.573.938	202.937.873.072
4.1. Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031.1		108.385.097.936	202.438.971.554
4.2. Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031.2		656.476.002	498.901.518
5. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	VII.4	1.060.584.221	1.054.737.321


Lê Thị Như Nguyệt
Kế toán trưởng/Người lập


Huỳnh Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		1.967.162.368	2.859.129.355
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	VIII.1	790.596.500	444.000
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2	VIII.2	(771.276.500)	38.419.600
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	VIII.3	1.947.842.368	2.820.265.755
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VIII.3	15.231.034.174	15.559.362.058
1.3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	VIII.4	12.133.779.498	13.174.050.775
1.4. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	VIII.4	951.872.750	832.847.336
1.5. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	VIII.4	360.636.360	499.261.131
1.6. Thu nhập hoạt động khác	11	VIII.4	8.874.000	9.153.000
Cộng doanh thu hoạt động	20		30.653.359.150	32.933.803.655
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		(269.198.695)	113.275.091
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	VIII.1	-	56.000.000
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	21.2	VIII.2	(269.198.695)	57.275.091
2.2. Chi phí hoạt động tự doanh	26		400.617.748	397.085.221
2.3. Chi phí môi giới chứng khoán	27		10.567.973.980	10.175.721.513
2.4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		1.250.541.599	1.137.925.327
2.5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		436.676.005	426.844.493
2.6. Chi phí các dịch vụ khác	32		359.841.774	346.402.982
Cộng chi phí hoạt động	40		12.746.452.411	12.597.254.627
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		1.169.035.465	998.142.410
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		1.169.035.465	998.142.410
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54		1.943.187.978	-
Cộng chi phí tài chính	60		1.943.187.978	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
V.	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VIII.5	14.813.704.712	14.109.711.366
VI.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		2.319.049.514	7.224.980.072
VII.	THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1.	Thu nhập khác	71		-	1.298.182
7.2.	Chi phí khác	72		54	-
	Cộng kết quả hoạt động khác	80		(54)	1.298.182
VIII.	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		2.319.049.460	7.226.278.254
8.1.	Lợi nhuận đã thực hiện	91		2.821.127.265	7.245.133.745
8.2.	Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(502.077.805)	(18.855.491)
IX.	CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	100		575.931.563	1.427.832.083
9.1.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	100.1	VI.13	575.931.563	1.427.832.083
9.2.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	100.2		-	-
X.	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	200		1.743.117.897	5.798.446.171

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025



Lê Thị Như Nguyệt
Kế toán trưởng/Người lập





Huỳnh Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
- Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		(2.669.882.847.886)	(3.172.326.613.081)
- Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		2.669.341.728.939	3.167.359.763.884
- Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03	VI.10	(203.829.192)	(1.075.399.241)
- Cổ tức đã nhận	04		103.153.600	251.500.000
- Tiền lãi đã thu	05		15.045.154.010	16.302.047.175
- Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho công ty chứng khoán	07		(3.569.026.511)	(3.696.632.079)
- Tiền chi trả cho người lao động	08		(11.061.240.405)	(10.481.232.577)
- Tiền chi nộp thuế liên quan hoạt động công ty chứng khoán	09		(11.921.146.615)	(8.995.512.656)
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	11		309.247.037.682	362.810.872.021
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(313.376.763.591)	(339.963.733.275)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(16.277.779.969)	10.185.060.171
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	21		(795.000.000)	(1.877.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	22		-	1.298.182
3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	25		2.941.707.520	3.866.680.768
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.146.707.520	1.990.478.950
III. Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(14.131.072.449)	12.175.539.121
IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	VI.1	66.704.474.417	54.528.935.296
- Tiền	61		2.204.474.417	4.528.935.296
- Các khoản tương đương tiền	62		64.500.000.000	50.000.000.000
V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	52.573.401.968	66.704.474.417
- Tiền	71		5.273.401.968	2.204.474.417
- Các khoản tương đương tiền	72		47.300.000.000	64.500.000.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		416.360.943.149	1.006.097.144.120
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(2.932.141.929.337)	(3.972.973.436.990)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		2.422.402.325.979	3.025.490.753.778
4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	09		(517.638.925)	(419.216.962)
5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12		1.968.541.012	47.161.744.611
6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13		(1.962.694.112)	(47.208.786.941)
Tăng tiền thuần trong năm	20		(93.890.452.234)	58.148.201.616
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	VII.2	203.992.610.393	145.844.408.777
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		203.992.610.393	145.844.408.777
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	32		178.564.331.680	123.472.297.970
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	33		2.013.138	2.005.996
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	34		24.371.528.254	21.268.325.160
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		1.054.737.321	1.101.779.651
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	40	VII.2	110.102.158.159	203.992.610.393
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		110.102.158.159	203.992.610.393
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	42		89.771.302.889	178.564.331.680
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		19.268.253.655	24.371.528.254
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		2.017.394	2.013.138
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		1.060.584.221	1.054.737.321

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025


Lê Thị Như Nguyệt
Kế toán trưởng/Người lập
Huỳnh Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Thay đổi trong năm		Số dư cuối năm	
	Thuyết minh	Năm 2023		Năm 2024		Đơn vị tính: VND
		Ngày 01/01/2023	Ngày 01/01/2024	Tăng	Giảm	
1. Biến động vốn chủ sở hữu						
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V1.16	500.000.000.000	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		8.902.712.767	8.902.712.767	-	-	8.902.712.767
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		8.902.712.768	8.902.712.768	-	-	8.902.712.768
4. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.770.434.156	11.770.434.156	-	-	11.770.434.156
5. Lợi nhuận chưa phân phối		(307.962.181.618)	(302.163.735.447)	5.817.301.662	18.855.491	(300.420.617.550)
5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(301.751.025.352)	(295.933.723.690)	5.817.301.662	-	(293.688.527.988)
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(6.211.156.266)	(6.230.011.757)	-	18.855.491	(6.732.089.562)
Cộng		221.613.678.073	227.412.124.244	5.817.301.662	18.855.491	229.155.242.141

Chi Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Lê Thị Như Nguyệt
Kế toán trưởng/Người lập

Huỳnh Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Giấy phép thành lập và hoạt động

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 12/GPHĐKD ngày 20 tháng 5 năm 2003 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000059 ngày 15 tháng 5 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các giấy phép điều chỉnh liên quan đến thay đổi địa chỉ trụ sở chính, tăng vốn điều lệ, rút nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán và thay đổi người đại diện theo pháp luật,... Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 10/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 01 năm 2023 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302941973 sửa đổi lần thứ 12 ngày 07 tháng 3 năm 2023.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025 Hội đồng thành viên Ngân hàng TNHH Một thành viên Số Vikki (tiền thân là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á – Ngân hàng mẹ) đã ra Quyết định số 1081/2025/QĐ-HĐTV về việc đổi tên Công ty từ Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á thành Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki nhưng đến nay Công ty vẫn chưa được cấp lại Giấy phép và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Địa chỉ liên hệ

Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

3. Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động sửa đổi gần nhất của Công ty ban hành ngày 23 tháng 5 năm 2024.

4. Những đặc điểm chính về hoạt động

- Quy mô vốn:
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 229.155.242.141 VND, tổng tài sản là 233.602.342.222 VND.
- Mục tiêu hoạt động:
Hoạt động chính của Công ty là: môi giới chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; hoạt động lưu ký chứng khoán; giao dịch ký quỹ chứng khoán; dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán.
- Hạn chế đầu tư:
Công ty thực hiện theo Điều 28, Thông tư số 121/2021/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2021 và các sửa đổi bổ sung như sau:
 - Công ty không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty.
 - Công ty không được mua, đầu tư bất động sản để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty với giá trị còn lại vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng tài sản của Công ty.
 - Công ty không được sử dụng quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu để đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp hoặc góp vốn sở hữu vào tổ chức khác, trong đó không sử dụng quá 20% vốn chủ sở hữu để đầu tư vào các công ty chưa niêm yết.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - ✓ Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - ✓ Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - ✓ Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - ✓ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.
- Công ty được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này Công ty không phải tuân thủ các quy định sau:
 - ✓ Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - ✓ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh.

Bên cạnh đó, Công ty dự kiến thành lập và mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- ✓ Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh Công ty đang thực hiện;
 - ✓ Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
 - ✓ Công ty sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định sau:
 - + Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty không vượt quá 3 lần. Giá trị tổng nợ theo quy định này không bao gồm: tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng; quỹ khen thưởng, phúc lợi; dự phòng trợ cấp mất việc làm; dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư.
 - + Nợ ngắn hạn của Công ty tối đa bằng tài sản ngắn hạn.
- Cấu trúc:
Công ty không có công ty con và liên kết.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị

Địa chỉ

Chi nhánh Sài Gòn – Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

60, 62, 64, 66, 68, 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh Hà Nội – Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 60 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 70 nhân viên).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành: Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 về hướng dẫn kế toán chứng quyền có bảo đảm đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng của Công ty kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

2. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau khi ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

3. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán; hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty; trừ trường hợp tài sản tài chính là công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc.

4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như: phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của sự suy giảm giá trị có thể bao gồm giá thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi và gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định dựa trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay".

5. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay và số dư của khoản vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay".

6. Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Phân loại lại tài sản tài chính

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động - Chênh lệch đánh giá lại theo giá trị hợp lý.

8. Giá thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các tài sản tài chính có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay”.

Giá thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề tại ngày gần nhất trước thời điểm lập Báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (3) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

9. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập căn cứ vào Điều 6, Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí quản lý công ty chứng khoán”.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là: chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí thuê văn phòng, sửa chữa cải tạo văn phòng,....

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí thuê văn phòng, sửa chữa cải tạo văn phòng,...

Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào kỳ hạn hiệu lực của hợp đồng.

11. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

12. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 6
Máy móc, thiết bị	3
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 – 6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 6
Tài sản cố định hữu hình khác	3 – 4

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chủ yếu là phần mềm. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 5 đến 10 năm.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán; cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận vào vốn điều lệ theo giá gốc.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài khoản lãi/lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các quỹ

Số dư các quỹ của Công ty được trích theo quy định của Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Điều lệ của Công ty. Theo đó, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm (lợi nhuận trước ngày 01 tháng 02 năm 2022) để trích lập các quỹ như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Từ ngày 01 tháng 02 năm 2022, Thông tư số 46/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hết hiệu lực và được thay thế bằng Thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021. Theo đó, Công ty dừng trích lập hai quỹ này và chờ quyết định sử dụng số dư quỹ đã trích của Hội đồng thành viên.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu cung cấp dịch vụ (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ có thể được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của các loại chứng khoán.

Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được từ các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

17. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tình hình tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Các khoản mục không có số liệu

Các khoản mục không được trình bày trên Báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số liệu.

V. QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và các tài sản khác.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi ở các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Quản trị rủi ro của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các tài sản tài chính

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản đầu tư vào các tài sản tài chính thông qua chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với các tài sản tài chính là thấp do đã thực hiện trích lập dự phòng tối đa cho nhiều khoản đầu tư.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của Công ty gồm: phải thu bán các tài sản tài chính; phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính; các khoản cho vay và các khoản phải thu khác.

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu về cho vay thông qua chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng.

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu còn lại thông qua chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát có liên quan. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu hồi được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét suy giảm chất lượng tín dụng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu có liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau nên rủi ro tín dụng không bị tập trung vào một đối tượng đáng kể nào.

Ngoại trừ khoản phải thu khó đòi đã được lập dự phòng tại thuyết minh số VI.5. Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

2. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ một năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì đa phần các khoản tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	11.903.247	10.764.558
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	5.259.979.477	2.042.585.072
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	1.519.244	151.124.787
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	47.300.000.000	64.500.000.000
Cộng	52.573.401.968	66.704.474.417

2. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
Của Công ty	52.000	1.417.640.000
Cổ phiếu	52.000	1.417.640.000
Của nhà đầu tư	569.865.414	9.806.140.858.470
Cổ phiếu	542.964.914	9.790.650.240.470
Trái phiếu	100	11.780.000
Chứng chỉ quỹ	400	3.010.000
Chứng khoán khác	26.900.000	15.475.828.000
Cộng	569.917.414	9.807.558.498.470

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các loại tài sản tài chính

3a. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	159.171.700	394.680.000	786.215.200	1.793.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	8.741.730.000	1.774.711.538	8.741.730.000	1.505.512.843
Cổ phiếu hủy niêm yết	579.400	-	579.400	-
Cộng	8.901.481.100	2.169.391.538	9.528.524.600	3.298.512.843

3b. Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Gốc cho vay giao dịch ký quỹ	119.609.066.236	119.609.066.236	100.108.348.261	100.108.348.261
Gốc ứng trước tiền bán chứng khoán	10.775.133.011	10.775.133.011	11.117.092.039	11.117.092.039
Cộng	130.384.199.247	130.384.199.247	111.225.440.300	111.225.440.300

3c. Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị thị trường cuối năm

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

STT	Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
				Tăng	Giảm	
1.	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	8.901.481.100	2.169.391.538	235.508.300	(6.967.597.862)	2.169.391.538
1.	Cổ phiếu niêm yết	159.171.700	394.680.000	235.508.300	-	394.680.000
2.	Cổ phiếu chưa niêm yết	8.741.730.000	1.774.711.538	-	(6.967.018.462)	1.774.711.538
3.	Cổ phiếu hủy niêm yết	579.400	-	-	(579.400)	-
	Cộng	8.901.481.100	2.169.391.538	235.508.300	(6.967.597.862)	2.169.391.538

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

STT	Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
				Tăng	Giảm	
1.	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	9.528.524.600	3.298.512.843	1.006.784.800	(7.236.796.557)	3.298.512.843
1.	Cổ phiếu niêm yết	786.215.200	1.793.000.000	1.006.784.800	-	1.793.000.000
2.	Cổ phiếu chưa niêm yết	8.741.730.000	1.505.512.843	-	(7.236.217.157)	1.505.512.843
3.	Cổ phiếu hủy niêm yết	579.400	-	-	(579.400)	-
	Cộng	9.528.524.600	3.298.512.843	1.006.784.800	(7.236.796.557)	3.298.512.843

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3d. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Kim khí Hưng Thịnh Phát	33.140.516.000	(33.140.516.000)	33.140.516.000	(33.140.516.000)
Công ty Cổ phần Thương mại Thủy sản Á Châu (ACF)	30.860.999.556	(30.860.999.556)	30.860.999.556	(30.860.999.556)
Công ty Cổ phần An Tôn Nguyễn	23.000.000.000	(23.000.000.000)	23.000.000.000	(23.000.000.000)
Công ty Cổ phần Vật liệu tự dính Việt Nam	16.000.000.000	(16.000.000.000)	16.000.000.000	(16.000.000.000)
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	12.100.000.000	(3.353.726.088)	12.100.000.000	(1.166.622.520)
Công ty Cổ phần Sóng Việt	8.183.300.000	(319.039.136)	8.183.300.000	(562.954.726)
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Tam Quan Bình Định	3.990.000.000	(3.990.000.000)	3.990.000.000	(3.990.000.000)
Công ty Cổ phần Bất động sản DIC (DIC-Resco)	3.817.280.000	-	3.817.280.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Lâm sản - Tiểu thủ công nghiệp (Upexim)	2.873.475.000	(2.873.475.000)	2.873.475.000	(2.873.475.000)
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế (ITC)	1.600.000.000	(386.730.498)	1.600.000.000	(386.730.498)
Công ty Cổ phần Địa ốc 9	1.415.011.000	-	1.415.011.000	-
Cộng	136.980.581.556	(113.924.486.278)	136.980.581.556	(111.981.298.300)

4. Các khoản phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	15.252.400.000	15.252.400.000
Bà Lý Đỗ Nhã Phương	2.400.000.000	2.400.000.000
Bà Hoàng Thị Duyên	5.252.400.000	5.252.400.000
Ông Nguyễn Huy Dũng	4.300.000.000	4.300.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	3.300.000.000	3.300.000.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	1.076.022.118	1.255.036.254
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	134.283.836	127.417.808
Phải thu lãi giao dịch ký quỹ	941.738.282	1.127.618.446
Trả trước cho người bán	142.007.685	33.450.000
Phải thu dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	10.734.647.786	10.717.030.207
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	9.943.127.879	10.030.919.125
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	550.519.907	500.111.082
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	196.000.000	141.000.000
Phải thu hoạt động tư vấn khác	45.000.000	45.000.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	477.211.431	477.211.431
Phải thu khách hàng về đặt cọc mua chứng khoán niêm yết	31.600.000.000	31.600.000.000
Bà Đặng Thị Kim Liên	16.300.000.000	16.300.000.000
Ông Võ Văn Tâm	15.300.000.000	15.300.000.000
Phải thu khác	60.461.910	60.461.910
Cộng	59.342.750.930	59.395.589.802

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Dự phòng phải thu khó đòi

	Giá trị phải thu khó đòi	Số đầu năm	Số cuối năm
<i>Dự phòng phải thu bán các tài sản tài chính</i>	<i>15.252.400.000</i>	<i>15.252.400.000</i>	<i>15.252.400.000</i>
Bà Lý Đỗ Nhã Phương	2.400.000.000	2.400.000.000	2.400.000.000
Bà Hoàng Thị Duyên	5.252.400.000	5.252.400.000	5.252.400.000
Ông Nguyễn Huy Dũng	4.300.000.000	4.300.000.000	4.300.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	3.300.000.000	3.300.000.000	3.300.000.000
<i>Dự phòng các khoản phải thu khác</i>	<i>42.189.650.100</i>	<i>42.189.650.100</i>	<i>42.189.650.100</i>
Bà Đặng Thị Kim Liên - phải thu đặt cọc mua chứng khoán niêm yết	16.300.000.000	16.300.000.000	16.300.000.000
Ông Võ Văn Tâm - phải thu đặt cọc mua chứng khoán niêm yết	15.300.000.000	15.300.000.000	15.300.000.000
Ông Nguyễn Văn Giang - phải thu cán bộ công nhân viên cũ của Công ty	6.181.196.045	6.181.196.045	6.181.196.045
Ông Nguyễn Kim Cương - phải thu cán bộ, công nhân viên cũ của Công ty	3.708.435.227	3.708.435.227	3.708.435.227
Phải thu Công ty TNHH Phần mềm HT2D	12.950.000	12.950.000	12.950.000
Phải thu tài sản thiếu chờ xử lý	477.211.431	477.211.431	477.211.431
Phải thu ông Nguyễn Văn Thành	47.857.397	47.857.397	47.857.397
Phải thu khách hàng dịch vụ tư vấn	162.000.000	162.000.000	162.000.000
Cộng	57.442.050.100	57.442.050.100	57.442.050.100

6. Chi phí trả trước**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí dịch vụ cung cấp thông tin	-	144.000.000
Thiết bị tin học	6.159.545	10.412.161
Công cụ, dụng cụ khác	567.818	4.328.484
Phí thuê đường truyền, internet	90.445.450	101.145.810
Phí dịch vụ khác	744.262.178	239.547.005
Cộng	841.434.991	499.433.460

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Máy vi tính	90.215.208	221.307.919
Thiết bị, đồ dùng văn phòng	202.191.007	290.628.807
Phí thuê đường truyền internet	167.332.000	147.461.000
Chi phí trả trước khác	209.450.074	297.094.072
Cộng	669.188.289	956.491.798

7. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Khoản thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.294.367.000	1.097.131.746	3.216.475.174	8.620.681.511	301.304.936	14.529.960.367
Mua trong năm	-	-	169.000.000	32.640.000	-	201.640.000
Số cuối năm	1.294.367.000	1.097.131.746	3.385.475.174	8.653.321.511	301.304.936	14.731.600.367
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.294.367.000	1.097.131.746	2.640.420.174	5.488.951.511	301.304.936	10.822.175.367
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	1.294.367.000	1.097.131.746	2.749.931.511	6.916.598.950	301.304.936	12.359.334.143
Khấu hao trong năm	-	-	173.522.007	800.462.690	-	973.984.697
Số cuối năm	1.294.367.000	1.097.131.746	2.923.453.518	7.717.061.640	301.304.936	13.333.318.840
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	-	-	466.543.663	1.704.082.561	-	2.170.626.224
Số cuối năm	-	-	462.021.656	936.259.871	-	1.398.281.527

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm quản lý giao dịch chứng khoán	Phần mềm kế toán và quản lý chung	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	14.214.956.174	6.843.080.760	21.058.036.934
Số cuối năm	14.214.956.174	6.843.080.760	21.058.036.934
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	9.214.956.174	6.843.080.760	16.058.036.934
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	11.714.176.368	6.843.080.760	18.557.257.128
Khấu hao trong năm	1.000.765.806	-	1.000.765.806
Số cuối năm	12.714.942.174	6.843.080.760	19.558.022.934
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.500.779.806	-	2.500.779.806
Số cuối năm	1.500.014.000	-	1.500.014.000

10. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 105/QĐ-VSD ngày 20 tháng 8 năm 2021 thay thế cho Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120.000.000 VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới năm trước, nhưng không vượt quá 2.500.000.000 VND/năm.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Biến động khoản tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	9.620.118.642	9.416.289.450
Tiền lãi phân bổ hàng năm	8.665.255.981	7.815.334.974
Tổng cộng	18.405.374.623	17.351.624.424

11. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	138.922.671	224.776.648
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	67.684.595	67.300.383
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	596.500	596.500
Cộng	207.203.766	292.673.531

12. Phải trả người bán***Phải trả người bán ngắn hạn***

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Công nghệ Tin học và Dịch vụ Goline	500.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	150.760.192	35.908.192
Cộng	650.760.192	35.908.192

Phải trả người bán dài hạn

Công ty Cổ phần Công nghệ tin học và Dịch vụ Goline, đã thanh toán trong năm.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	45.451.639	31.678.573
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(617.879.930)	(398.389.778)
Thuế thu nhập cá nhân	970.678.032	810.563.088
Cộng	398.249.741	443.851.883

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.319.049.460	7.226.278.254
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	932.960.649	322.000.521
- Các khoản điều chỉnh giảm	(269.198.695)	(38.419.600)
Thu nhập chịu thuế	2.982.811.414	7.509.859.175
Cổ tức được chia trong năm	(103.153.600)	(251.500.000)
Lỗ được chuyển trong năm	-	(119.198.758)
Thu nhập tính thuế	2.879.657.814	7.139.160.417
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	575.931.563	1.427.832.083

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau nên số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí quản lý khác	148.467.000	246.049.000
Cộng	148.467.000	246.049.000

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Khách hàng Nguyễn Thị Thu	838.821.231	836.868.231
Phải trả thù lao cung cấp nguồn khách hàng	87.940.280	143.955.621
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	9.094.794	12.506.512
Cộng	935.856.305	993.330.364

16. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	500.000.000.000	500.000.000.000
Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu	29.575.859.691	29.575.859.691
Lỗ lũy kế	(300.420.617.550)	(302.163.735.447)
Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện	(293.688.527.988)	(295.933.723.690)
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	(6.732.089.562)	(6.230.011.757)
Cộng	229.155.242.141	227.412.124.244

- (*) Chủ sở hữu của Công ty là Ngân hàng TNHH Một thành viên Số Vikki (tiền thân là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á) đã góp đủ 100% vốn điều lệ.

Theo Quyết định số 42/QĐ-TTGSNH2 ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Cơ quan Thanh tra, Giám sát Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi nội dung Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đông Á. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á đã đổi tên thành Ngân hàng TNHH một thành viên Số Vikki. Ngoài ra, Căn cứ theo Quyết định số 1081/2025/QĐ-HĐTV ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng thành viên Ngân hàng TNHH Một thành viên Số Vikki, Công ty cũng sẽ đổi tên từ Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á thành Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch được tự do chuyển nhượng	2.049.620.130.000	1.859.207.010.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	10.508.000.000	-
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	13.483.580.000	11.500.060.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	10.944.770.000	20.308.560.000
Cộng	2.084.556.480.000	1.891.015.630.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	8.028.210.000	13.082.130.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	-	1.185.000.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	3.094.510.000	3.094.510.000
Cộng	11.122.720.000	17.361.640.000

3. Tiền gửi của nhà đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	<i>89.771.302.889</i>	<i>178.564.331.680</i>
Của nhà đầu tư trong nước	89.162.008.660	178.067.602.112
Của nhà đầu tư nước ngoài	609.294.229	496.729.568
<i>Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng</i>	<i>19.268.253.655</i>	<i>24.371.528.254</i>
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán</i>	<i>2.017.394</i>	<i>2.013.138</i>
Của nhà đầu tư trong nước	1.000.000	1.000.000
Của nhà đầu tư nước ngoài	1.017.394	1.013.138
<i>Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán</i>	<i>1.060.584.221</i>	<i>1.054.737.321</i>
Cộng	110.102.158.159	203.992.610.393

4. Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	<i>90.194.242.499</i>	<i>177.463.979.444</i>
Của nhà đầu tư trong nước	89.537.766.497	176.965.077.926
Của nhà đầu tư nước ngoài	611.146.002	498.901.518
<i>Phải trả nhà đầu tư - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư</i>	<i>18.844.991.580</i>	<i>24.019.552.630</i>
Của nhà đầu tư nước ngoài	45.330.000	-
Của nhà đầu tư trong nước	18.799.661.580	24.019.552.630
<i>Phải trả khác của nhà đầu tư</i>	<i>47.669.859</i>	<i>1.454.340.998</i>
Của nhà đầu tư trong nước	47.669.859	1.454.340.998
<i>Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu</i>	<i>1.060.584.221</i>	<i>1.054.737.321</i>
Cộng	110.102.158.159	203.992.610.393

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG****1. Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm trước
Lãi bán					
Các cổ phiếu niêm yết	52.000	1.417.640.000	627.043.500	790.596.500	444.000
Cộng	52.000	1.417.640.000	627.043.500	790.596.500	444.000
Lỗ bán					
Các cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	(56.000.000)
Cộng	-	-	-	-	(56.000.000)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN HÀNG ĐỒNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL							
STT chính	Danh mục các tài sản tài	Giá trị mua theo số sách	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán trong năm	Chênh lệch tăng/giảm
1.	Cổ phiếu niêm yết	159.171.700	394.680.000	235.508.300	1.006.784.800	(771.276.500)	-
	GDW	159.171.700	394.680.000	235.508.300	1.006.784.800	(771.276.500)	(771.276.500)
2.	Cổ phiếu chưa niêm yết	8.741.730.000	1.774.711.538	(6.967.018.462)	(7.236.217.157)	269.198.695	269.198.695
	HSI	7.364.898.000	1.219.712.000	(6.145.186.000)	(6.301.872.080)	156.686.080	156.686.080
	PEG	689.577.000	259.412.300	(430.164.700)	(523.848.661)	93.683.961	93.683.961
	HAI	55.000	16.500	(38.500)	(38.500)	-	-
	VIS	687.200.000	295.570.738	(391.629.262)	(410.457.916)	18.828.654	18.828.654
3.	Cổ phiếu hủy niêm yết	579.400	-	(579.400)	(579.400)	-	-
	FPC	280.800	-	(280.800)	(280.800)	-	-
	BGM	38.700	-	(38.700)	(38.700)	-	-
	VSP	249.100	-	(249.100)	(249.100)	-	-
	KSA	10.800	-	(10.800)	(10.800)	-	-
Cộng		8.901.481.100	2.169.391.538	(6.732.089.562)	(6.230.011.757)	(502.077.805)	269.198.695
							(771.276.500)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ bán các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

	Năm nay	Năm trước
Từ tài sản tài chính FVTPL	1.947.842.368	2.820.265.755
Cổ tức	103.153.600	251.500.000
Tiền lãi phát sinh	1.844.688.768	2.568.765.755
Từ các khoản cho vay và phải thu	15.231.034.174	15.559.362.058
Tiền lãi cho vay hoạt động Margin	13.231.287.047	13.456.606.915
Tiền lãi cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	1.520.594.937	1.788.387.974
Phí gia hạn nợ Margin	479.152.190	314.367.169
Cộng	17.178.876.542	18.379.627.813

4. Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu môi giới	12.133.779.498	13.174.050.775
Doanh thu lưu ký chứng khoán	951.872.750	832.847.336
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	360.636.360	499.261.131
Doanh thu khác	8.874.000	9.153.000
Cộng	13.455.162.608	14.515.312.242

5. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.814.149.560	8.046.731.677
Chi phí văn phòng phẩm	46.139.308	34.323.554
Chi phí công cụ, dụng cụ	140.810.666	217.604.368
Chi phí khấu hao tài sản cố định	963.622.503	1.108.026.347
Thuế, phí và lệ phí	51.426.003	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.742.421.672	4.646.830.420
Các chi phí khác	55.135.000	51.195.000
Cộng	14.813.704.712	14.109.711.366

IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Báo cáo tài chính nhưng trước khi Báo cáo tài chính được phép phát hành
Không có.
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận
Không có.
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu
Không có.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

X. THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng thành viên và Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có tiền lương với tổng tiền lương trong năm nay là 1.100.881.897 VND (năm trước là 1.044.310.576 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác

Mối quan hệ

Ngân hàng TNHH Một thành viên Số Vikki

Chủ sở hữu

Công ty TNHH Kiều hồi Đông Á

Công ty cùng chủ sở hữu

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch giữa Công ty với Ngân hàng TNHH Một thành viên Số Vikki như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu lãi tiền gửi	1.173.395.615	1.642.792.741
Trả phí ngân hàng	26.147.097	19.322.360
Chi phí thuê mặt bằng	1.938.011.588	1.938.011.585
Tăng tiền gửi của nhà đầu tư	1.021.167.764.469	909.143.189.417
Giảm tiền gửi của nhà đầu tư	1.025.063.085.827	924.876.769.500
Gửi tiền vào tài khoản thanh toán của Công ty	838.212.844.173	588.258.432.940
Rút tiền từ tài khoản thanh toán của Công ty	836.646.768.658	588.911.555.636

Công nợ với các bên liên quan khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Ngân hàng TNHH Một thành viên Số Vikki như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi của nhà đầu tư	12.623.553.088	16.518.874.446
Tiền gửi thanh toán của Công ty	2.574.950.498	1.008.874.983
Tiền gửi có kỳ hạn của Công ty	10.000.000.000	64.500.000.000
Tiền gửi của tổ chức phát hành	951.300.478	1.046.508.658
Trả hộ cổ tức cho cổ đông	984.628.858	984.628.858
Chi phí phải trả ngắn hạn	11.082.000	30.164.000
Phải trả khác	1.000.000	1.000.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.664.262.420	1.034.691.179
Trên 01 năm đến 05 năm	209.665.605	825.600.000
Cộng	1.873.928.025	1.860.291.179

Công ty thuê văn phòng làm việc tại Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh; Số 62, 64, 66, 68, 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh và Số 8 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

3. Thông tin về bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xem xét, đánh giá và quyết định không lập và trình bày thông tin Báo cáo bộ phận do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán và lưu ký chứng khoán. Kết quả hoạt động được trình bày trong phần doanh thu và chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty trên Báo cáo kết quả hoạt động. Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Với các lý do nêu trên, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày Báo cáo bộ phận trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.


Lê Thị Như Nguyệt
Kế toán trưởng/Người lập



TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025


Huỳnh Anh Tuấn
Tổng Giám đốc